

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
HÌNH VÀ HÌNH QUẢN LÝ DÒNG TÀI SẢN
CỐ ĐỊNH HÌNH TÀI CÔNG TY
CÔNG PHÁP NÔNG C KHOÁNG BANG**

ĐẠI THÍ THUYẾT LINH

NIÊN KHÓA: 2015-2019

ĐẠI HỌC HU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HU
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
HÌNH VÀ HÌNH QUẢN LÝ DÒNG TÀI SẢN
CỐ ĐỊNH HÌNH TÀI CÔNG TY
CÁI PHÂN NHẢY KHOẢNG BANG**

Tên sinh viên: Đỗ Thùy Linh

Lớp: K49B – Kế toán

Niên khóa: 2015-2019

Giáo viên hướng dẫn:

TS Nguyễn Đình Chiên

Hu, Tháng 12 năm 2018

LỜI CẢM ƠN

Đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, trong thời gian qua tôi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của quý thầy cô, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè.

Trước tiên tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô giáo trường Đại học Kinh tế Huế, đặc biệt là quý thầy cô khoa Kế toán-Kiểm toán đã hết lòng giảng dạy, truyền đạt những kiến thức cần thiết và bổ ích cho tôi trong suốt thời gian học tập tại trường vừa qua. Đó là nền tảng cho quá trình học hỏi khóa luận cũng như công việc của tôi sau này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến TS Nguyễn Đình Chin, thầy giáo đã tận tình hướng dẫn và theo sát giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập vừa qua.

Đồng thời, tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần nước khoáng Bang, đặc biệt là quý cô, chú, anh, chị phòng Tài chính – Kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi, cũng như tận tình cung cấp những tài liệu cần thiết trong suốt thời gian học tập tại đây.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình và bạn bè đã luôn ủng hộ, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian vừa qua.

Trong quá trình học hỏi Khóa luận tốt nghiệp của mình, do kiến thức còn hạn chế nên bài làm không tránh khỏi thiếu sót, rất mong quý thầy cô cùng các bạn sinh viên góp ý, giúp đỡ để tôi có thể hoàn thiện bài của mình tốt hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, ngày 30 tháng 12 năm 2018

Sinh viên học hỏi

Đã Thùy Linh

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TSCĐ	: Tài sản cố định
TSCĐHH	: Tài sản cố định hữu hình
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
DN	: Doanh nghiệp
TSNH	: Tài sản ngắn hạn
TSDH	: Tài sản dài hạn
CP	: Chi phí
NPT	: Nợ phải trả
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
BQ	: Bình quân
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
VAT, GTGT	: Thuế giá trị gia tăng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
SL	: Số lượng
NG	: Nguyên giá
ĐVT	: Đơn vị tính
GTCL	: Giá trị còn lại
KH	: Khu hao
BĐSDT	: Bất động sản đầu tư
XDCB	: Xây dựng cơ bản
VNĐ	: Việt Nam Đồng
UBND	: Ủy Ban Nhân dân
CCDC	: Công cụ đo lường
TK	: Tài khoản

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1 Hồ sơ điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao của TSCĐ	18
Bảng 2.1 Tình hình lao động tại công ty trong giai đoạn 2015-2017	47
Bảng 2.2 Biện động tài sản của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	52
Bảng 2.3 Biện động tổng nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	57
Bảng 2.4 Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	59
Bảng 2.5 Phân loại TSCĐHH theo hình thái biểu hiện vào năm 2017	63
Bảng 2.6 Phân loại TSCĐHH theo nguồn vốn hình thành vào năm 2017	63
Bảng 2.7 Đánh giá TSCĐHH theo giá trị còn lại vào năm 2017	64
Bảng 2.8 Cơ cấu TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nước khoáng Bang Error! Bookmark not defined.	
Bảng 2.9 Tình hình biến động TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nước khoáng Bang	76
Bảng 2.10 Tình hình kế thu và trang bị TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nước khoáng Bang	80
Bảng 2.11 Hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nước khoáng Bang	82

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1 Sơ Tài sản mua sắm xe ô tô	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.2 Sơ TSCĐ của công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Error! Bookmark not defined.	
Biểu 2.3 Sơ chi tiết tài khoản 2141 tháng 12 năm 2017	73
Biểu 2.4 Sơ tài sản M54 – Thời điểm xử lý nước RO	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.5 Sơ chi tiết tài khoản TK 2112	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.6 Sơ nhật ký chung	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.7 Sơ cái TK 2112	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1 Cơ cấu tài sản của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	50
Biểu đồ 2.2 Cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	55

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Quy trình luân chuyển công nợ TSCĐ	21
Sơ đồ 1.2 Quy trình hạch toán chi tiêu TSCĐ.....	23
Sơ đồ 1.3 Hạch toán tình hình tăng, giảm TSCĐHH	26
Sơ đồ 1.4 Hạch toán khu hao TSCĐHH.....	27
Sơ đồ 1.5 Hạch toán sửa chữa TSCĐHH	28
Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức quản lý tài Công ty Cổ phần khoáng Bang	41
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán Công ty Cổ phần khoáng Bang	44
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	45

M C L C

L I C M N.....	i
DANH M C CH VI T T T.....	ii
DANH M C B NG	iii
DANH M C BI U	iii
DANH M C CÁC BI U Đ 	iv
DANH M C S Đ 	iv
M C L C	v
PH N I: Đ T V N Đ 	1
1.1 Lý do ch n đ tài.....	1
1.2 M c tiêu nghiên c u đ tài	3
1.3 Đ i t ng nghiên c u	3
1.4 Ph m vi nghiên c u	3
1.5 Ph ng pháp nghiên c u.....	3
PH N II:N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U.....	6
CH NG 1: C S LÝ LU N V K TOÁN TSCĐHH VÀ PHÂN TÍCH	
HI U QU S D NG TSCĐHH.....	6
1.1 Lý lu n chung v TSCĐHH	6
1.1.1 Khái ni m, đ c đ m, phân lo i và vai trò c a TSCĐHH	6
1.1.1.1 Khái ni m	6
1.1.1.2 Đ c đ m	7
1.1.1.3 Vai trò	7
1.1.1.4 Phân lo i	8
1.1.2 Nguyên t c qu n lý tài s n c đ nh.....	10
1.1.3 Đánh giá TSCĐHH.....	10
1.1.3.1 Nguyên giá.....	11
1.1.3.2 Giá tr hao mòn c a TSCĐHH	14
1.1.3.3 Giá tr còn l i	15
1.1.4 Kh u hao TSCĐHH.....	15
1.1.4.1 Khái ni m	15

1.1.4.2 Thụ i gian trích khấu hao của TSCĐHH	16
1.1.4.3 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐHH	16
1.1.5 Đầu tư nâng cấp và sửa chữa TSCĐHH	19
1.2 Công tác kế toán TSCĐHH	20
1.2.1 Chứng từ kế toán và quy trình luân chuyển chứng từ	20
1.2.1.1 Chứng từ kế toán	20
1.2.1.2. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán TSCĐ	21
1.2.2 Kế toán chi tiết TSCĐHH.....	22
1.2.3 Kế toán tổng hợp TSCĐHH	24
1.2.3.1 Tài khoản sổ đăng	24
1.2.3.2 Hạch toán tình hình tăng, giảm TSCĐHH	25
1.2.4 Kế toán khấu hao TSCĐHH	26
1.2.4.1 Tài khoản sổ đăng	27
1.2.4.2 Hạch toán khấu hao TSCĐHH	27
1.2.5 Kế toán sửa chữa TSCĐHH	27
1.2.5.1 Tài khoản sổ đăng	27
1.2.5.2 Hạch toán sửa chữa TSCĐ	28
1.3 Phân tích hiệu quả sổ đăng TSCĐHH của doanh nghiệp	29
1.3.1 Thế nào là hiệu quả sổ đăng TSCĐHH.....	29
1.3.2 Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sổ đăng TSCĐHH.....	30
1.3.2.1 Phân tích biến động của TSCĐHH.....	30
1.3.2.2 Phân tích tình trạng kết thu của TSCĐHH	31
1.3.2.3 Chỉ tiêu đánh giá tình hình trạng b TSCĐHH.....	31
1.3.2.4 Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sổ đăng TSCĐHH	32
1.3.3 Mối liên hệ giữa tình hình biến động hiệu quả sổ đăng TSCĐHH.....	33
1.3.3.1 Các nhân tố khách quan.....	33
1.3.3.2 Nhân tố chủ quan.....	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐHH VÀ HIỆU QUẢ SỔ ĐĂNG TSCĐHH TẠI CÔNG TY	37
2.1 Giới thiệu về Công ty Cổ phần Nông sản khoáng Bang.....	37

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhiệt điện khoáng Bang.....	37
2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.....	39
2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Nhiệt điện khoáng Bang.....	40
2.1.4 Tình hình tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ phần Nhiệt điện khoáng Bang.....	43
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán	43
2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	44
2.1.5 Nguồn lao động của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	46
2.1.6 Khái quát tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	49
2.1.6.1 Tình hình tài sản của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	49
2.1.6.2. Tình hình nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	54
2.1.7 Khái quát tình hình kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	58
2.1.7.1 Phân tích tình hình doanh thu của Công ty trong giai đoạn 2015-2017.....	60
2.1.7.2 Phân tích tình hình Chi phí của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	61
2.1.7.3 Phân tích tình hình lợi nhuận của Công ty trong giai đoạn 2015-2017.....	62
2.2 Thúc đẩy công tác kế toán TSCĐHH tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện khoáng Bang...	63
2.2.1 Phân loại TSCĐHH tại Công ty	63
2.2.2 Đánh giá TSCĐHH tại Công ty.....	64
2.2.2.1 Nguyên giá.....	64
2.2.3 Công tác kế toán TSCĐHH tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện khoáng Bang	64
2.2.3.1 Kế toán tăng TSCĐHH tại Công ty.....	64
2.2.3.2 Kế toán khấu hao TSCĐHH tại Công ty	72
2.2.3.3 Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐHH tại Công ty	74
2.2.3.4 Kế toán kiểm kê TSCĐHH tại Công ty	74
2.3 Phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện khoáng Bang trong giai đoạn 2015-2017.....	75
2.3.1 Phân tích biến động TSCĐHH của Công ty trong giai đoạn 2015-2017	75
2.3.2 Phân tích tình hình trạng thái và tình trạng kỹ thuật của TSCĐHH trong giai đoạn 2015-2017.....	79
2.3.3 Phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐHH trong giai đoạn 2015-2017.....	81
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ BỐI PHÁP CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐHH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN KHOÁNG BANG	85

3.1. Đánh giá về công tác kế toán TSCĐHH và hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần khoáng Bang	85
3.1.1 Đánh giá về công tác kế toán TSCĐHH tại công ty:.....	85
3.1.1.1 Nhóm mặt đất đai	85
3.1.1.2 Nhóm hùn ch	86
3.1.2 Đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần khoáng Bang	87
3.1.2.1 Ưu điểm	87
3.1.2.2 Nhược điểm	87
3.2 Mối sở hữu pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán TSCĐHH và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần khoáng Bang	87
3.2.1 Về công tác kế toán TSCĐHH	87
3.2.2 Về việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐHH	89
PHẦN III: KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1 Lý do chọn đề tài

Ngày nay cùng với sự phát triển vô cùng mạnh mẽ của nền kinh tế đã kéo theo nhiều cơ hội và thách thức đến cho Việt Nam. Bên cạnh việc góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống của người dân thì điều này cũng làm cho họ ngày càng yêu cầu khắt khe hơn đối với các sản phẩm mà mình sử dụng trong đời sống, đặc biệt là đối với các sản phẩm của các ngành công nghiệp thực phẩm, nông nghiệp... Bởi vì đây là nhu cầu hàng hóa thiết yếu, được sử dụng hàng ngày và không thể thiếu của người dân. Khác với trước đây khi mà mức sống của người dân Việt Nam vẫn đang còn thấp và chưa thể theo kịp với trình độ của Thế giới cho nên người tiêu dùng chỉ lựa chọn các sản phẩm giá rẻ, và túi tiền thì hiện nay, cùng với sự vươn lên và phát triển mạnh mẽ đã làm cho người dân trở nên khó tính hơn trong việc lựa chọn khi mà đối với họ thì chuyển giá cả không còn là tiêu chí duy nhất mà ưu tiên hàng đầu của sản phẩm đó chính là đảm bảo chất lượng cũng như sức khỏe cho người tiêu dùng, sau đó mới xét đến chuyển giá cả của sản phẩm. Có thể thấy rằng với xu hướng lựa chọn sản phẩm ngày nay sự tiêu thụ kiến thức liên cho các doanh nghiệp nông nghiệp ngoài khi thâm nhập vào thị trường Việt Nam bởi vì nếu xét về chất lượng thì các sản phẩm nông nghiệp ngoài thị trường tốt hơn và yên tâm hơn so với sản phẩm trong nước mặc dù giá cả có thể bằng hoặc cao hơn. Bên cạnh đó từ tình hình “xín gạo” nó cũng tạo nên nhu cầu khó khăn nhất định cho các doanh nghiệp Việt Nam trong môi trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt.

Cùng với các ngành công nghiệp thực phẩm thì ngành nông nghiệp cũng ngày càng tăng trưởng và phát triển nhanh chóng khi có đến hơn 1.800 cơ sở sản xuất nông nghiệp và bình quân người Việt tiêu thụ nông nghiệp trên 23 lít/người/năm (theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Bia – Rượu – Nông nghiệp Việt Nam công bố) và tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo. Qua đó chứng tỏ sức thu hút to lớn của thị trường nông nghiệp Việt Nam. Mặc dù được đánh giá là môi trường vô cùng hấp dẫn nhưng trong những năm gần đây lại xảy ra một vấn đề gây bức xúc trong dân chúng, đó chính là việc sử dụng các hóa chất độc hại hay các nguồn nguyên liệu, phụ phẩm biến đổi làm ra các sản phẩm nông nghiệp đóng chai gây nguy hại cho sức khỏe của con người như bao bì,

mẫu mã lại mang tên của các thương hiệu nổi tiếng trong nước và nước ngoài. Nhờ ng việc làm bất chấp mọi thủ đoạn nhằm đánh lừa người dân để thu được lợi nhuận vô tình đã gây nên mất tâm lý người, dè dặt hơn trong lòng người tiêu dùng. Từ đó, gây nên nhu cầu khó khăn cho các doanh nghiệp và công sở sản xuất nước giải khát trong việc thuyết phục được người dân và có thể cạnh tranh lại với các doanh nghiệp nổi tiếng của nước ngoài. Muốn giải quyết được vấn đề đó thì các doanh nghiệp trong nước cần phải luôn không ngừng cải tiến và đổi mới các sản phẩm cũng như có các biện pháp giúp tạo được niềm tin trong lòng người tiêu dùng.

Mặt trong ngành nhân tố quyết định đến chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nước giải khát nói riêng đó chính là công sở vật chất kỹ thuật như: máy móc, thiết bị... hay nói cách khác là TSCĐ. Đây chính là điều đã tạo nên khoảng cách về chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nước ta với các nước trên Thế giới. Mặc dù vậy, ngành hiện nay như có sự phát triển vượt bậc của các tiến bộ kỹ thuật đã giúp cho nước ta gần bắt kịp với các nước tiên tiến, như đó mà đã dẫn rút ngắn được cách biệt hơn so với doanh nghiệp nước ngoài. Từ đó có thể thấy được rằng, TSCĐ là một yếu tố then chốt trong các doanh nghiệp sản xuất. Nó thể hiện được mặt cách chính xác nhất về năng lực, trình độ trang thiết bị công sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp. Trong đó, TSCĐHH lại chiếm giá trị rất lớn trong tổng TSCĐ của các doanh nghiệp sản xuất. TSCĐ nói chung và TSCĐHH nói riêng được cải tiến, đổi mới và hoàn thiện phần thu được rất nhiều vào hoàn cảnh thực tế trong mỗi thời kỳ, ngành phải đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất một cách hiệu quả nhất, thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Xuất phát từ ngành yêu cầu cấp thiết trên, cùng với quá trình học tập và nghiên cứu tại Khoa Kinh tế Huân và thời gian thực tập, tìm hiểu, nghiên cứu tại Công ty Cổ phần nước khoáng Bang nên tôi đã chọn đề tài: “Nghiên cứu công tác kế toán TSCĐHH và hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nước khoáng Bang” làm đề tài nghiên cứu cho Khóa luận tốt nghiệp đổi mới của mình.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Đề tài đề cập nghiên cứu dựa trên các mục tiêu sau đây:

- Hiểu thế giới hóa và thế giới hợp nhúng lý luận cơ bản và kỹ thuật TSCĐHH trong doanh nghiệp và các phương pháp phân tích hiệu quả sản xuất TSCĐHH.
- Tìm hiểu đặc điểm của doanh nghiệp trong sản xuất và công tác kỹ thuật doanh nghiệp. Từ đó, nghiên cứu và phân tích đặc điểm thế giới công tác kỹ thuật TSCĐHH hay tình hình sản xuất TSCĐ tại Công ty Cổ phần nhôm khoáng Bang.
- Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện công tác kỹ thuật TSCĐHH tại doanh nghiệp bằng cách nâng cao và phát triển hơn nữa và phần mềm kỹ thuật và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của kỹ thuật. Bên cạnh đó còn phải đưa ra được các biện pháp giúp cho việc xử lý nghiệp vụ liên quan như kỹ thuật tăng, giảm, khấu hao, quản lý TSCĐHH... ngày càng nhanh chóng và hợp lý.
- Đưa ra được các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sản xuất TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nhôm khoáng Bang dựa trên các cơ sở của các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sản xuất TSCĐHH. Qua đó, sẽ phần nào giúp cho năng suất và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

1.3 Đối tượng nghiên cứu

Công tác kỹ thuật TSCĐHH và hiểu thế giới các chỉ tiêu phần ảnh hưởng hiệu quả sản xuất TSCĐHH của Công ty Cổ phần nhôm khoáng Bang.

1.4 Phạm vi nghiên cứu

-  Về không gian: Phòng Tài chính – Kỹ thuật thu của Công ty Cổ phần nhôm khoáng Bang.
-  Về thời gian: Số liệu và tài sản cơ định hình được dùng để nghiên cứu và phân tích là số liệu thế giới hợp qua ba năm 2015 - 2017

1.5 Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu tài liệu này tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

-  Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Phương pháp này dùng để thu thập thông tin thực tế như nội dung của chu trình mua, thông tin hàng hóa đến của Bộ Tài chính; các chuyên đề, khóa luận có liên quan tại thư viện trường và trên internet; các

tài liệu thu thập tại công ty và mặt số văn bản pháp luật về doanh nghiệp... để hình thành hóa các số lý luận về công tác kế toán TSCĐHH.

-  Phương pháp pháp quan sát: Quan sát và ghi chép những công việc của nhân viên trong công ty và của phòng kế toán phải làm hàng ngày
-  Phương pháp phỏng vấn: Là phương pháp hỏi trực tiếp những người liên quan đến vấn đề nghiên cứu để đó giúp quy định các mục và hiểu rõ hơn về công tác kế toán tại Công ty, để từ đó có thể bổ sung thêm các kinh nghiệm thực tế giúp cho công việc sau này.
-  Phương pháp thu thập số liệu: thu thập số liệu từ nhiều nguồn như phòng Tài chính – Kế toán và các phòng ban khác sẽ giúp cho việc tính toán và xử lý các chỉ số hiệu quả số dòng tài sản có được chính xác và có thể hơn
-  Phương pháp phân tích: Trong khóa luận này tôi chủ yếu sẽ dùng các phương pháp phân tích đó là phương pháp phân tích theo chiều ngang, phân tích xu hướng và phương pháp phân tích theo chiều dọc
 - Phân tích theo chiều ngang: Tính số tiền chênh lệch bằng cách lấy chỉ tiêu của kỳ phân tích so với chỉ tiêu của kỳ gốc (ví dụ năm 2016 so với năm 2015, năm 2017 so với năm 2016). Từ đó chênh lệch được tính toán để thấy được quy mô thay đổi trong quan ra sao so với quy mô trước đó.
 - Phân tích xu hướng: Các chênh lệch được tính cho nhiều năm thay vì hai năm. Từ đó, có thể nhận ra được những thay đổi cơ bản về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.
 - Phân tích theo chiều dọc: Từ đó (tổng) được tính bằng cách lấy chỉ tiêu bình phân chia cho chỉ tiêu tổng thể nhằm chỉ ra được mối quan hệ của các bộ phận khác nhau so với tổng số trong báo cáo. Qua đó thấy được tầm quan trọng của các thành phần nào đó trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và chỉ ra được những thay đổi quan trọng về kết cấu của một năm so với năm tiếp theo.
 - Phương pháp đối chiếu: Trong bài này tôi chủ yếu sẽ dùng phương pháp so sánh. Thực hiện để chỉ ra các chỉ tiêu kinh tế có cùng nội dung, một tính chất tổng thể để xác định xu hướng và mức độ biến động của các chỉ tiêu đó.

+ So sánh theo chiều ngang với các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán giữa ba năm 2015, 2016 và 2017 để thấy được xu hướng biến động của các khoản mục. Đồng thời so sánh theo chiều dọc để xác định tỷ trọng của từng chỉ tiêu trong từng thời kỳ quy mô nói chung qua đó thấy được mức độ quan trọng của từng chỉ tiêu từng thời kỳ.

+ So sánh theo chiều ngang các khoản mục liên quan đến doanh thu, chi phí, lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh để thấy được tốc độ phát triển của công ty trong ba năm 2015, 2016 và 2017.

+ So sánh các chỉ số tài chính năm 2016 so với năm 2015, năm 2017 so với năm 2016.

Tóm đó, từng hợp các kết quả so sánh và phân tích trên để đưa ra nhận xét chung, tìm ra những mặt hạn chế và đưa ra giải pháp khắc phục.

🌈 **Phương pháp mô tả:** Là phương pháp dùng để mô tả quy trình luân chuyển chi phí, quy trình hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

1.6 Kết cấu đề tài

Nội dung của đề tài nghiên cứu sẽ bao gồm ba phần, đó là:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận và kế toán TSCĐHH và phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐHH

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán TSCĐHH và hiệu quả sử dụng TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nọc khoáng Bang

Chương 3: Một số biện pháp cải thiện công tác kế toán TSCĐHH tại Công ty Cổ phần nọc khoáng Bang

Phần III: Kết luận

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TSCĐHH VÀ
PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐHH

1.1 Lý luận chung về TSCĐHH

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại và vai trò của TSCĐHH

1.1.1.1 Khái niệm

Theo Chuẩn mực kế toán số 03 - “TSCĐHH” (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính): “TSCĐHH là nhóm tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động SXKD phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐHH”.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC - Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ: “TSCĐHH là nhóm tài sản hữu hình có hình thái vật chất tho mãn các tiêu chuẩn của TSCĐHH, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh như vốn cố định nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...”

Từ hai khái niệm trên, ta có thể hiểu một cách ngắn gọn, TSCĐHH là nhóm tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐHH do Bộ Tài chính quy định. Trong quá trình sử dụng thì TSCĐHH sẽ bị hao mòn dần và chuyển dịch phần giá trị hao mòn đó vào sản phẩm sản xuất ra.

Với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐHH bao gồm những gì? Thì căn cứ vào Điều 3, chương II Thông tư 45/2013/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ thì các tài sản được ghi nhận là TSCĐHH phải thỏa mãn đồng thời tất cả ba (3) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên;
- Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

1.1.1.2 Đặc điểm

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau của doanh nghiệp. Đây được xem là đặc điểm đầu tiên và quan trọng nhất của TSCĐHH.
- Tính linh hoạt hình thái vật chất của nó: TSCĐHH là những tài sản lao động chủ yếu có hình thái vật chất (tổng hợp vốn tài sản có kết cấu được lắp ráp hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định) như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị...
- Bền hao mòn dần: TSCĐHH thường được sử dụng trong quá trình sản xuất ra các sản phẩm và tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh, tức là tính rất nhiều năm cho nên dần dần sẽ bị hao mòn, phần giá trị đó được chuyển dịch sang phần vào chi phí kinh doanh. Còn TSCĐHH vốn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hết hỏng hoàn toàn.
- Khó khăn trong việc vận chuyển, di dời: Bởi vì TSCĐHH bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phần lớn gắn liền với đất... được hình thành sau quá trình thi công xây dựng hoặc lắp đặt rất lâu cho nên thường rất to lớn và cố định nên khó có thể di chuyển được.

1.1.1.3 Vai trò

- TSCĐ phần ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của doanh nghiệp, phần ảnh hưởng mô hình doanh nghiệp có tăng trưởng hay không với đặc điểm loại hình kinh doanh mà nó tiến hành.
- TSCĐ luôn mang tính quy định đối với quá trình sản xuất hàng hóa của doanh nghiệp. Do đặc điểm luân chuyển của mình qua mỗi chu kỳ sản xuất, TSCĐ tồn tại trong một thời gian dài và nó tạo ra tính ổn định trong chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp cả về sản lượng và chất lượng.
- TSCĐ còn là một công cụ huy động vốn khá hiệu quả:
 - + Đối với việc vay ngân hàng thì TSCĐ được coi là điều kiện khá quan trọng bởi nó đóng vai trò là vật thế chấp cho khoản tiền vay. Trên cơ sở giá trị của tài sản thế chấp thì ngân hàng mới có quyết định cho vay hay không và cho vay với số lượng là bao nhiêu.

+ Đối với Công ty Cổ phần thì quy mô của công ty phụ thuộc vào giá trị TSCĐ mà công ty nắm giữ. Do vậy, trong quá trình huy động vốn cho doanh nghiệp bằng cách phát hành trái phiếu hay cổ phiếu, mức độ tin cậy của các nhà đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào khả năng tài sản mà công ty hiện có.

Chính vì vậy, trong SXKD của từng doanh nghiệp nói riêng cũng như của toàn bộ nền kinh tế nói chung, TSCĐ là cơ sở vật chất và có vai trò cực kỳ quan trọng. Vì vậy cần tiến, hoàn thiện, đổi mới và số đông hiểu quả TSCĐ là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Như thế đúng đắn vai trò của TSCĐ cũng chính là cơ sở để doanh nghiệp thay đổi tầm quan trọng của TSCĐ cũng như vai trò của TSCĐHH nói riêng trong hoạt động SXKD.

1.1.1.4 Phân loại

Trong doanh nghiệp có rất nhiều loại thu được TSCĐHH như: nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải... Mỗi một loại tài sản đều có công dụng, tình hình và mục đích sử dụng khác nhau. Ngoài ra, chúng còn có thời gian sử dụng khác nhau đến việc tính và phân bổ khấu hao cũng rất khác biệt. Nếu không biết quản lý một cách thuần thục sẽ gây một thời gian chờ chạ nói đến việc tính toán sai.

Cho nên có thể thấy rằng việc phân loại TSCĐHH là rất cần thiết. Nó nhằm mục đích giúp cho các doanh nghiệp thuần lồi hơn trong công tác quản lý và hạch toán TSCĐ một cách rõ ràng hơn. Qua đó sẽ giảm bớt được khó khăn cho kế toán khi mà TSCĐ trong các doanh nghiệp sản xuất là rất nhiều và thường có giá trị lớn cho nên nếu không có các phương pháp theo dõi cũng như hạch toán chi phí khấu hao hợp lý sẽ gây nên tồn thất lớn cho doanh nghiệp.

Phân loại theo hình thái biểu hiện

Hiện nay, theo quy định mới nhất của Bộ Tài chính được nêu rõ tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư 147/2016/TT-BTC – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định thì TSCĐHH của doanh nghiệp được phân loại như sau:

- Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc

- Loại 2: Máy móc, thiết bị
- Loại 3: Phần mềm tính toán và tài, thiết bị truyền dẫn
- Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý
- Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm
- Loại 6: Các tài sản cố định là kết cấu hạ tầng, có giá trị lớn do Nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế quản lý, khai thác, sử dụng
- Loại 7: Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào sáu loại trên.

 Phân loại theo quy định sau:

- TSCĐ tự có: Là những TSCĐ được đầu tư mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp như được cấp phát, vốn tự bổ sung, vốn vay...
- TSCĐ thuê ngoài: Là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của đơn vị, cá nhân khác, doanh nghiệp có quyền quản lý và sử dụng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng và trong đó được chia thành 2 loại như:
 - + TSCĐHH thuê tài chính: Là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định thời hạn thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.
 - + TSCĐ thuê hoạt động: Mọi TSCĐ đi thuê nếu không thỏa mãn các quy định nêu trên được coi là TSCĐ thuê hoạt động.

 Phân loại theo tình hình sử dụng: Với cách phân loại này sẽ giúp cho các doanh nghiệp nắm được tình hình sử dụng TSCĐ để có biện pháp tăng cường TSCĐ hiện có, giải phóng nhanh chóng các TSCĐ không cần dùng, chuyển thanh lý để thu hồi vốn, giảm:

- TSCĐHH đang dùng
- TSCĐHH chưa cần dùng
- TSCĐHH không cần dùng và chuyển thanh lý

 Phân loại theo mục đích sử dụng:

- TSCĐHH dùng trong sản xuất kinh doanh: Là TSCĐ đang sử dụng trong hoạt động SXKD, đổi và nhập nhúng tài sản này bắt buộc doanh nghiệp phải tính và trích khấu hao vào chi phí SXKD.
- TSCĐHH dùng trong hoạt động phúc lợi: Là TSCĐ mà đơn vị dùng cho nhu cầu phúc lợi công cộng như nhà văn hóa, nhà trẻ, xe ca phúc lợi...
- TSCĐHH chủ yếu: Là nhập nhúng TSCĐ không cần dùng, chủ yếu cần dùng vì thiếu số vốn và nhu cầu học không thích hợp với số đổi mới công nghệ, bộ phận hỏng, chủ thanh lý TSCĐ tranh chấp chủ quyền. Nhập nhúng tài sản này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi và vốn sử dụng cho việc đổi mới TSCĐ.

1.1.2 Nguyên tắc quản lý tài sản cố định

TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp, bên cạnh đó còn giữ vai trò là tài liệu lao động chủ yếu của quá trình sản xuất nên việc quản lý chặt chẽ và chi tiết sẽ góp phần tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Tuy nhiên việc quản lý TSCĐ cũng khá phức tạp và chủ yếu chi phí của nhiều quy định khác nhau về Tài chính – Kế toán.

Theo Điều 5, Thông tư 45/2013/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định thì việc quản lý TSCĐ phải tuân theo nguyên tắc sau:

- Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ phận riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mọi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo thẻ đổi và thẻ ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.
- Mọi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán.
- Đổi và nhập nhúng TSCĐ không cần dùng, chủ thanh lý nhập chủ yếu khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, báo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này.
- Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đổi và nhập nhúng TSCĐ đã khấu hao hết nhập vốn tham gia vào hoạt động kinh doanh nhập nhập nhúng TSCĐ thông thường.

1.1.3 Đánh giá TSCĐHH